TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2018/DSST
Ngày 07/06/2018
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Chí Cường**.
Bà **Trần Thị Thu Thảo**.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phan Văn Chung** – Cán bộ tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 07 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2017/TLST – DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST – DS ngày 17/04/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng A.**
Địa chỉ: Phố Đ, phường L, quận M, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn V** – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng B.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp B1, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà **Nguyễn Thị Thể**, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp B1, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Ngày 11.09.2014, ông Nguyễn Văn M có ký hợp đồng số 6600000702357146 với Ngân hàng A (gọi tắc là Ngân hàng) vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để trồng khóm, lãi suất cho vay là 0,720% trên tháng, ngày đến hạn là 11/9/2017. Theo hợp đồng, bà Nguyễn Thị T là người thừa kế, đến hạn ông M và bà T không trả nợ vay nên đã vi phạm hợp đồng.

Nay, ông V yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền vốn vay là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và lãi tính đến ngày xét xử là 3.551.506đ (ba triệu, năm trăm năm mươi mốt ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng), thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tống đạt hợp lệ, đầy đủ

thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M bà T không có mặt và không có gửi ý kiến cho Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp dân sự về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn ông Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B1, xã L1, huyện P, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn M là bị đơn và bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần thứ hai nhưng ông M và bà T không đến tham dự phiên tòa và cũng không có người đại diện. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông M và bà T.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

Chứng cứ ông V đưa ra để yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi tổng cộng 18.551.506đ (mười tám triệu, năm trăm năm mốt ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng) gồm: 01 Biên bản xử lý nợ quá hạn (BL 01); 01 Sổ vay vốn (BL 04); 01 Đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (BL 05); 01 Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ (BL 06).

Chứng cứ ông M và bà T cung cấp để bảo vệ quyền lợi ích cho mình: Không có.

Xét theo hợp đồng số 6600000702357146 ký ngày 11/09/2014 giữa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thì đến ngày 11/09/2017 ông M và bà T phải hoàn trả hết vốn và lãi cho Ngân hàng nhưng ông M và bà T không thực hiện việc trả nợ. Như vậy, ông M và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng vay, Ngân hàng khởi kiện đòi nợ gốc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) là có cơ sở. Đối với phần lãi suất tính từ ngày 11/12/2015 đến ngày xét xử 07/06/2018 theo yêu cầu của Ngân hàng tính mức 0,720% trên một tháng với số tiền nợ gốc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: "1. Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá trên 20%/năm (1.66% trên tháng) của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác…"

Như vậy, lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay số 6600000702357146 phù hợp với quy định của pháp luật và Ngân hàng có bản chiếc tính lãi cụ thể, chính xác, rõ ràng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 928.000đ (chín trăm hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền vốn vay và lãi tổng cộng 18.551.506đ (mười tám triệu, năm trăm năm mốt ngàn, năm trăm lẻ sáu đồng) thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông M và bà T còn phải liên đới trả lãi theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng vay số 6600000702357146 ký ngày 11/09/2014 giữa ông M bà T và Ngân hàng A từ ngày xét xử cho đến khi hoàn tất nợ.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 928.000đ (chín trăm hai mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T thời hạn kháng cáo là 15 ngày tròn tính từ ngày tòa tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Tính

Nơi nhận:
- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.